

Bản án số: 47/2019/HSPT
Ngày 29/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Bá Dự

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Văn Hiên; Bà Đinh Thị Như Phượng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 73/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Trần Ngọc M, do có kháng cáo của bị hại Trần Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

*** Bị cáo:**

Trần Ngọc M. Sinh ngày 2/5/1958 tại Quảng X, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc L và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Trần Văn T, sinh năm 1984, trú tại: Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt

*** Người làm chứng:**

- Trần Ngọc Th, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Đặng Minh K, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc M và Trần Văn T nảy sinh mâu thuẫn tranh chấp bờ ruộng tại Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An, thị xã A, tỉnh Gia Lai từ năm 2012, hai bên nhiều lần cãi nhau. Ngày 11/12/2018, M ngồi uống nước trong nhà thì thấy T đang cuốc bờ ruộng, M bực tức đi ra sau nhà cầm một dao tự chế bằng tay phải và một tuýt sắt bằng tay trái, đi đến chỗ T hỏi chuyện. Lúc này, T đang đội mũ cối, cầm cuốc đứng dưới ruộng, M đứng trên bờ cách T 2m, M nói với T “sao mày lấn bờ đất của tao” thì T trả lời ‘ông thích gì”, đồng thời dùng cuốc bở xuống đất gần chỗ M đứng hai cái nhưng M lùi ra sau nên không trúng. M vứt dao tự chế xuống đất, dùng hai tay cầm tuýt sắt, hướng đầu có mối hàn về phía T, đánh mạnh một cái theo hướng từ sau ra trước, đầu tuýt sắt trúng vào vùng đầu bên trái của T, làm thủng mũ cối và mũ rơi xuống đất, gây chảy máu vùng thái dương trái. M rút tuýt sắt về thì phần tuýt sắt có mối hàn trúng tay trái của T. T hai tay ôm đầu thì M tiếp tục đánh mạnh một cái theo hướng từ sau ra trước trúng vào miệng của T làm rách hai môi và gãy hai răng cửa trên. T bỏ chạy, sau đó đi điều trị từ ngày 11/12/2018 đến ngày 19/12/2018 thì ra viện

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 20/2019/PY-TgT ngày 14/1/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Trần Văn T là 15%

2.Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Bản án hình sơ sơ thẩm số 28/2019/HSST ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 590 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc M 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án

Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại Trần Văn T, buộc bị cáo Trần Ngọc M phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Trần Văn T với số tiền là 35.730.600 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm) đồng. Bị cáo đã bồi thường 8.000.000 (Tám triệu) đồng (tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A theo biên lai số 0006409 ngày 18/7/2019), bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 27.730.600 (Hai mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm)

đồng

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quy định về lãi suất chậm trả, tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo luật định.

3. Kháng cáo của bị cáo:

Ngày 7/8/2019 bị hại Trần Văn T kháng cáo cho rằng mức hình phạt 20 tháng tù đối với bị cáo là nhẹ; về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường 35.730.600 đồng là không tương xứng thiệt hại bị cáo gây ra cho bị hại.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Ngọc M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo không đồng ý với kháng cáo của bị hại Trần Văn T

Bị hại Trần Văn T không cung cấp thêm chứng cứ gì mới và giữ nguyên kháng cáo

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự của bị hại Trần Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc tranh chấp bờ ruộng với Trần Văn T, nên ngày 11/12/2018, bị cáo Trần Ngọc M đã dùng tuýt sắt, là hung khí nguy hiểm đánh trúng vùng đầu, gây chảy máu vùng thái dương trái và đánh vào vùng miệng gây rách hai môi, gãy hai răng cửa trên của anh Trần Văn T. Thương tích bị cáo gây nên, làm tổn thương sức khỏe của anh Trần Văn T với tỷ lệ là 15%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Ngọc M về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị hại về phần hình phạt, thấy rằng: Bị cáo phạm tội với khung hình phạt có mức án thấp nhất là 24 tháng tù. Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt dành cho bị cáo đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại xảy ra, áp dụng điều luật quy định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử phạt bị cáo mức án 20 tháng tù đúng quy định pháp luật. Do đó kháng cáo của bị hại về phần hình phạt đối với bị cáo là không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự thấy rằng: Bị hại anh Trần Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với tổng số tiền là 83.630.600 đồng, trong đó chi phí điều trị 2.200.600 đồng, tiền giám

định 230.000 đồng, tiền xe 700.000 đồng, ngày công lao động trong quá trình điều trị đối với bị hại là 300.000đ/ngày x 9 ngày là 2.700.000đồng, của người chăm sóc là 200.000 đ/ngày x 9 ngày là 1.800.000 đồng, tiền công sau điều trị của bị hại 300.000đ/ngày x 20 ngày là 6.000.000 đồng, tiền trồng rừng 60.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các yêu cầu này của bị hại là có căn cứ đúng quy định pháp luật, tuy nhiên mức yêu cầu bồi thường về ngày công lao động và chi phí trồng rừng là cao nên chỉ chấp nhận chi phí ngày công lao động cho bị hại và người chăm sóc với mức 200.000 đồng/ngày, tiền trồng rừng và chi phí đi lại là 15.000.000đồng. Theo đó tuyên bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng chi phí thiệt hại gây ra với số tiền 35.730.600 đồng là hoàn toàn phù hợp với thu nhập thực tế tại địa phương, phù hợp với bảng kê chi phí trồng rừng do bị hại cung cấp và đúng quy định pháp luật. Bị hại kháng cáo cho rằng số tiền Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là 35.730.600 đồng là chưa tương xứng hành vi phạm tội, tuy nhiên ngoài các bảng kê chi phí đã nộp, bị hại không cung cấp được thêm các chứng cứ gì mới cho kháng cáo của mình, do đó, kháng cáo về phần dân sự của bị hại cũng không có cơ sở chấp nhận.

Người bị hại kháng cáo phần hình phạt và yêu cầu bồi thường sức khỏe, nên được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2019/HSST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590 của Bộ luật dân sự;

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc M 20 (Hai mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại Trần Văn T, buộc bị cáo Trần Ngọc M phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Trần Văn T với số tiền là 35.730.600 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm) đồng. Bị cáo đã bồi thường 8.000.000 (Tám triệu) đồng (tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A theo biên lai số 0006409 ngày 18/7/2019), bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 27.730.600 (Hai mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn sáu trăm) đồng

2. Về án phí: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Người bị hại Trần Văn T không phải chịu án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Bị cáo;bị hại;
- Lưu HSVA, Tòa HS, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Giáp Bá Dự

